

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2026

**THÔNG BÁO SỐ 2**  
**HỘI NGHỊ KHOA HỌC QUỐC TẾ KIỂM NGHIỆM THỰC PHẨM 2026**

Kính gửi: .....

Nhằm tăng cường các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, hợp tác và trao đổi khoa học liên quan đến thực phẩm và kiểm nghiệm thực phẩm, Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia tổ chức "**Hội nghị khoa học quốc tế Kiểm nghiệm thực phẩm 2026**" dự kiến từ ngày **15-17/10/2026**. Chủ đề chính của Hội nghị là "*Kiểm soát an toàn thực phẩm thông minh hướng tới hài hòa quốc tế*" các nhóm nội dung sau:

1. Kiểm soát an toàn thực phẩm dựa trên nguy cơ;
2. Dinh dưỡng và ghi nhãn thực phẩm (carbohydrate, chất xơ, vi lượng,...);
3. Chất lượng và an toàn sản phẩm probiotic, prebiotic;
4. Phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến thực phẩm;
5. Độc tố và chất ô nhiễm trong thực phẩm;
6. Mối nguy vi sinh và tác nhân gây bệnh truyền qua thực phẩm;
7. Giám sát vệ sinh và phòng ngừa ngộ độc thực phẩm;
8. Kiểm soát chất lượng và an toàn thực phẩm bảo vệ sức khỏe;
9. Đảm bảo chất lượng phòng thí nghiệm;
10. Các chủ đề khác có liên quan đến an toàn thực phẩm.

Tiếp theo THÔNG BÁO SỐ 1 ngày 16/01/2026, Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia trân trọng kính mời các nhà khoa học, giảng viên, nghiên cứu viên... trong nước và quốc tế tham gia viết bài. Bản thảo bài báo được soạn thảo bằng ngôn ngữ tiếng Anh. Sau khi được phân biện và chấp nhận, các bài gửi đăng sẽ được công bố trên **Kỷ yếu khoa học được cấp mã ISBN của Hội nghị** hoặc **Tạp chí Kiểm nghiệm và An toàn thực phẩm** (miễn phí đăng bài). Các báo cáo xuất sắc sẽ được chọn để trình bày tại Hội nghị.

Xin vui lòng tham khảo hướng dẫn và bài báo mẫu theo Phụ lục kèm theo hoặc trên website của Tạp chí: <https://vjfc.nifc.gov.vn/vn>.

Thời hạn đăng ký và gửi bài toàn văn: **30/6/2026**.

Mọi thông tin về Hội nghị sẽ được cập nhật trên website: <https://nifc.gov.vn/fcc/gioi-thieu-chung-fcc-2026> hoặc vui lòng liên hệ:

ThS. Vũ Thị Thanh An – Trung tâm Đánh giá nguy cơ về an toàn thực phẩm, Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia. Địa chỉ: 65 Phạm Thận Duật, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội.

Email: [fcc@nifc.gov.vn](mailto:fcc@nifc.gov.vn) Điện thoại: (024)32262231 Di động: 0987653162

Xin trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các Phó Viện trưởng (để biết);
- Lưu: VT, KHĐT.

  
VIỆN TRƯỞNG  
Lê Thị Hồng Hảo

## Phụ lục

**HƯỚNG DẪN GỬI BẢN THẢO ĐĂNG BÀI**  
(Kèm theo Thông báo số 324 /TB-VKNQG ngày 05 tháng 5 năm 2026)



Bản thảo được đánh máy bằng font Unicode, kiểu chữ Times New Roman, cỡ chữ 10 pt (trừ tiêu đề cỡ chữ 12 pt). Bài viết trên khổ giấy A4; căn lề: trên 2,0 cm, dưới 2,0 cm, trái 2,5 cm, phải 2,0 cm; lùi đầu dòng 1 cm; giãn cách dòng 1,1; giãn cách đoạn phía trên 3 pt, phía dưới 3 pt.

Các thuật ngữ, tên thuốc thử và hóa chất thống nhất theo TCVN 5530:2010. Danh từ tiếng Việt nếu được dịch từ tiếng nước ngoài phải viết kèm theo từ nguyên gốc. Các chữ viết tắt phải có chú thích, chỉ chú thích lần đầu tiên.

Phạm vi các báo cáo gồm: **Bài tổng quan**, **Bài báo nghiên cứu khoa học** và **Bài trao đổi ngắn**.

- **Bài tổng quan:** Bài tổng quan liên quan đến các chủ đề quan tâm trên một lĩnh vực cụ thể, bao gồm cả ý kiến và bàn luận của tác giả. Bài tổng quan bắt đầu với phần Đặt vấn đề, các phần tiếp theo được đánh số liên tiếp và kết thúc bằng phần Kết luận.

- **Bài báo nghiên cứu khoa học và bài trao đổi ngắn:** Tác giả phải chịu trách nhiệm về nội dung bài báo chưa được công bố hoặc đang được xem xét để xuất bản ở tạp chí khác. **Bài mẫu** của bài báo khoa học được minh họa kèm theo Phụ lục này.

- o Tiêu đề: Ngắn gọn, phù hợp với nội dung nghiên cứu;
- o Tên đầy đủ của tác giả và liên kết tên tác giả với đơn vị công tác: Thứ tự tên tác giả (nếu có nhiều hơn một) được sắp xếp theo đóng góp của các tác giả cho nghiên cứu. Tác giả liên hệ phải cung cấp số điện thoại di động và địa chỉ email ở cuối trang (được tạo bằng "footnotes" của phần mềm Microsoft Word);
- o Tóm tắt: cùng ngôn ngữ với bản thảo, khoảng 200-300 từ;
- o Từ khóa: tiêu biểu, ngắn gọn, khoảng 5 từ;
- o Nội dung chính: 1. Đặt vấn đề; 2. Vật liệu và phương pháp nghiên cứu; 3. Kết quả và bàn luận; 4. Kết luận. Các tiêu mục được đánh số dạng 2.1, 2.2, ...;
- o Hình và Bảng được đánh số theo thứ tự và được sắp xếp vào đúng vị trí được trích dẫn.
- o Lời cảm ơn (nếu có);
- o Tài liệu tham khảo được trích dẫn dựa theo kiểu IEEE. Khuyến khích các tác giả tự động hóa việc trích dẫn sử dụng MS Word, hoặc các phần mềm trích dẫn khác như Endnote, Zotero, Mendeley ...;
- o Tên bài, tên tác giả, cơ quan công tác, tóm tắt và từ khóa bằng tiếng Anh (nếu bản thảo bằng tiếng Việt) hoặc ngược lại.

Vui lòng xem hướng dẫn chi tiết về hình thức gửi bài tại: <https://vjfc.nifc.gov.vn>



# BÀI BÁO MẪU

## Guidelines for formatting and presentation scientific research articles

Nguyen Van A<sup>1\*</sup>, Tran Van B<sup>2</sup>, Le Thi C<sup>1,2</sup>

<sup>1</sup> Center A, Institute of B, City/Province, Country

<sup>2</sup> Department X, University of Y, City/Province, Country

### Abstract

Titles, subtitles (if any), author name(s), links, email addresses should be sorted in this order. The title should be typed in bold letters and size 10 pt. The author's name(s) should be in regular, bold and small letters, align content with the right margin. The author's office name usually consists of two levels and should be in regular, italic and right margin. The link between the author and the agency name is presented in the form of index above, and numbers. The phone and email of the contact author are placed at footnote, with the index\*. The manuscript should begin with a brief summary of about 200-300 words in length.

**Keywords:** *Typical, brief, no more than 5 words.*

### 1. INTRODUCTION

The manuscript was typed in Unicode font, Times New Roman style, font size 10 pt. Articles are formatted on A4 size paper; Align: top margin 2.0 cm, bottom margin 2.0 cm, left margin 2.5 cm, right margin 2.0 cm; 1 cm first line; 1.1 line spacing, paragraph spacing before 3 pt, after 3 pt. The main title of each chapter should be written in bold letters, font size 10, numbered as 1., 2., etc.

Citation of references is presented as a number in square brackets [1]. The references number is the appearance order of the references in the paper. References should be put at the end of the paper. When citing from 2 or more references, references must be separated by commas, for example: [2, 10]. For many continuous references, use a hyphen between the first and last references, for example: [2-5].

Introduction (about 1 page) should give an overview of the research issues, the gaps/issues to be solved and the objectives of the research.

### 2. MATERIALS AND METHODS

#### 2.1. Research subjects/Materials

When starting a new section, the new section name uses font size 10, in bold and written capital letter for the first letter, numbered "2.1", "2.2"...

The content of each section should be presented in paragraphs.

#### 2.2. Chemicals, standards

The author(s) might present the contents of the sections according to the content of the paper. However, the article should fully describe the equipment, tools, chemicals, standards, standard materials, test samples used (if any).

#### 2.3....

#### 2.4. Research Methods

The author needs to present all the methods used in the study to obtain the results in section 3. If there are many methods used, numbered subsections such as 2.4.1.... shall apply.

##### 2.4.1. Sampling method

The sub-title of the new section uses italic font letters 10, written capital letters for the first letter, numbered "2.4.1", "2.4.2" ...

##### 2.4.2. Methods of analysis

...

##### 2.4.3. Equations

Spacing 6 letters from the left margin and numbering consecutively in parentheses on the right margin

Formula (1)

The font, the size of the formula must be the same as the main text (10 pt).

##### 2.4.4....

---

\*Corresponding author: Nguyen Van A (E-mail: ...)

Doi: (The Journal will assign a doi number for the published article)

#### 2.4.5. Data processing methods

If the research uses statistical sample processing techniques, the author(s) need(s) to give data processing methods used.

### 3. RESULTS AND DISCUSSION

#### 3.1. Results

Presentation of the results of the research normally includes a discussion of the results. Results should be presented in the form of tables, figures or diagrams.

#### 3.2. Data presentation and tables

All figures, data and tables are placed in the text at appropriate points, instead of at the end of the paper. Header of tables are placed above the tables, centered, italic, and bold as example below. The tables are numbered in the order in which they appear in the text. Vertical rules should not be used (see Table 1).

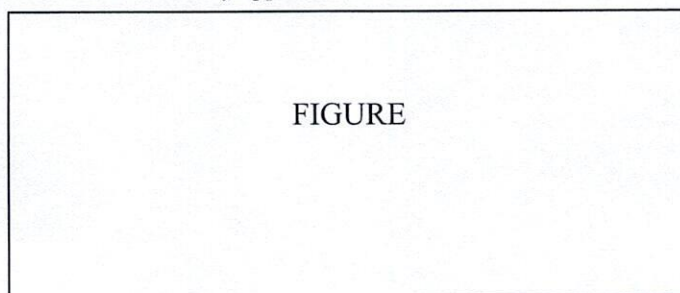
**Table 1. The results of...**

<b>Content</b>	<b>A</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>D</b>	<b>E</b>
<b>X</b>	...	...	...	...	...
<b>Y</b>	...	...	...	...	...

The results should be commented, evaluated, discussed properly.

#### 3.3. Figures, diagrams

Names of figures, diagrams are placed below the figures and diagrams, centered, italic, and bold according to the figure below. The figures are numbered in the order they appear in the text.



**Figure 1. Chromatography of...**

#### 3.4. Method validation

##### 3.4.1. Calibration curves ...

.....

##### 3.4.2. ...

.....

### 4. CONCLUSION

References are listed at the end of the manuscript and the numerical order in the paper. The title "REFERENCES" in font size 10 in bold, single line spacing with its content. References are cited referred to IEEE style.

#### ACKNOWLEDGEMENT

This research is funded by Funding Sponsor, with research codes. Thanks go to the companies, agencies and individuals who participated in the research but did not act as the author (if any).

#### REFERENCES

- [1]. R. A. Pastorok, S. M. Bartell, S. Ferson, and L. R. Ginzburg, *Ecological modeling in risk assessment: chemical effects on populations, ecosystems, and landscapes*. CRC Press, 2016.
- [2]. Nguyen Thi Minh Huyen, Tran Thi Hoa, Nguyen Thi Ngoc Lan, Tran Thi Hien, "Assessment of *listeria monocytogenes*, *staphylococcus aureus* and *salmonella* spp. Contamination in dairy samples collected in Gia Lam and Ba Vi, Hanoi early 2019", *Vietnamese Journal of Food Control*, vol. 2, no. 4, pp. 22-32, 2019.
- [3]. A. Panusa, M. Orioli, G. Aldini, and M. Carini, "A rapid and sensitive LC-ESI-MS/MS method for detection and quantitation of methylprednisolone and methylprednisolone acetate in rat plasma after intra-articular administration," *Journal of Pharmaceutical and Biomedical Analysis*, vol. 51, no. 3, pp. 691-697, 2010.
- [4]. Tran Cao Son, Le Thi Hong Hao, Thai Nguyen Hung Thu, "Determination of pesticide multi-residues in herbal teas using QuEChERS extraction followed by gas and liquid chromatography tandem mass spectrometry," *Conference Proceeding - The 4<sup>th</sup> analytica Vietnam Conference, Ho Chi Minh city, 2015*, Ha Noi: Vietnam Analytical Sciences Society (VASS), 2015, pp. 196-203.

- [5]. Nguyen Thi Giang, “*Quantitative assessment of the food poisoning risk caused by S. aureus in the collective kitchens of some primary schools in Hanoi*”, Doctoral thesis, University of Science, Hanoi National University, 2019 [in Vietnamese].
- [6]. Health Science Authority, “HSA updates on products found overseas that contain potent ingredients (July to August 2019)” [online]: <http://vfa.gov.vn/tin-tuc/thong-tin-canh-bao-tu-singapore-ve-san-pham-thuc-pham-bao-ve-suc-khoe-impactra-co-chua-sildenafil-tadalafil-va-chloropretadalafil.html> [Accessed: 30/3/2021].
- [7]. World Health Organization, “*WHO Human Health Risk Assessment Toolkit: Chemical Hazards*”, WHO, 2010.

## Hướng dẫn soạn thảo và trình bày dự thảo bài báo nghiên cứu khoa học

Nguyễn Văn A<sup>1</sup>, Trần Văn B<sup>2</sup>, Lê Thị C<sup>1,2</sup>

<sup>1</sup>Trung tâm A, Viện B, Tỉnh/thành phố, Quốc gia

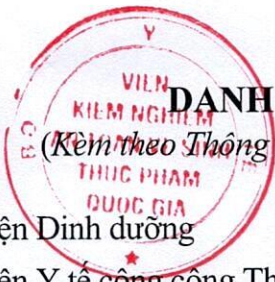
<sup>2</sup>Khoa X, Trường Y, Tỉnh/thành phố, Quốc gia

### Tóm tắt

Tóm tắt của bài báo được trình bày gọn trong 01 đoạn văn, cần nêu được vấn đề nghiên cứu, mục tiêu/nội dung chính, kết quả đạt được, trong đó nhấn mạnh điểm mới, tiêu biểu đạt được. Tiêu đề, phụ đề (nếu có), tên tác giả, liên kết, địa chỉ email sắp xếp theo trật tự này. Tiêu đề bài báo viết thường, đậm, cỡ chữ 10 pt. Tên tác giả nên được viết bằng chữ thường, đậm và cân phải. Tên cơ quan của tác giả thường gồm 2 cấp và nên được viết thường, nghiêng và cân phải. Liên kết giữa tác giả và tên cơ quan được trình bày theo dạng chỉ số trên, dạng số. Điện thoại và email của tác giả liên hệ được đặt ở footnote, với chỉ số \*. Bản thảo nên được bắt đầu bằng một bản tóm tắt ngắn gọn khoảng 200-300 từ.

**Từ khóa:** tiêu biểu, ngắn gọn, khoảng 5 từ.





## DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ GỬI THÔNG BÁO

(Kèm theo Thông báo số 324 /TB-VKNQG ngày 05 tháng 5 năm 2026)

1. Viện Dinh dưỡng
2. Viện Y tế công cộng Thành phố Hồ Chí Minh
3. Viện Pasteur Nha Trang
4. Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên
5. Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh
6. Viện Kiểm nghiệm thuốc Thành phố Hồ Chí Minh
7. Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương
8. Viện Y học Biển
9. Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương
10. Viện Dược liệu
11. Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường
12. Viện Sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Trung ương
13. Viện Công nghệ Dược phẩm quốc gia – Đại học Dược Hà Nội
14. Viện Chăn nuôi và thú y
15. Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam
16. Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn, Môi trường và Biển
17. Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam
18. Viện Công nghiệp Thực phẩm
19. Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Hàn Quốc
20. Viện Công nghệ Sinh học và Công nghệ Thực phẩm - Trường Đại học Mở Hà Nội
21. Viện công nghệ sinh học – Viện Hàn Lâm Khoa học và công nghệ Việt Nam
22. Viện Hóa học – Viện Hàn Lâm Khoa học và công nghệ Việt Nam
23. Viện Sinh học – Viện Hàn Lâm Khoa học và công nghệ Việt Nam
24. Viện Nghiên cứu hệ Gen – Viện Hàn Lâm Khoa học và công nghệ Việt Nam
25. Viện Hoá học các hợp chất thiên nhiên – Viện Hàn Lâm Khoa học và công nghệ Việt Nam
26. Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật – Viện Hàn Lâm Khoa học và công nghệ Việt Nam
27. Viện Khoa học vật liệu – Viện Hàn Lâm Khoa học và công nghệ Việt Nam
28. Trường Đại học Y Hà Nội
29. Trường Đại học Dược Hà Nội
30. Đại học Y – Dược Thành phố Hồ Chí Minh
31. Trường Đại học Y tế công cộng
32. Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam
33. Trường Đại học Kỹ thuật y tế Hải Dương
34. Trường Đại học Kỹ thuật Y – Dược Đà Nẵng
35. Trường Cao Đẳng Dược Trung ương Hải Dương

36. Học viện Nông nghiệp Việt Nam
37. Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh
38. Đại học Lâm nghiệp
39. Đại học Nông Lâm Bắc Giang
40. Đại học Công nghiệp Hà Nội
41. Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh
42. Đại học Công nghiệp thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh
43. Học viện Khoa học và Công nghệ
44. Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội
45. Trường Đại học Khoa học tự nhiên – Đại học Quốc gia Hà Nội
46. Trường Đại học Khoa học tự nhiên – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
47. Trường Đại học Y Dược – Đại học Quốc gia Hà Nội
48. Trường Đại học Công nghệ – Đại học Quốc gia Hà Nội
49. Trường Đại học Việt Nhật – Đại học Quốc gia Hà Nội
50. Trường Hóa, Khoa học sự sống - Đại học Bách khoa Hà Nội
51. Trường Đại học Mở Hà Nội
52. Đại học Phenikaa
53. Trường Đại học Sức khỏe – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
54. Trường Đại học Bách khoa – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
55. Trường Đại học Công thương Thành phố Hồ Chí Minh
56. Trường Đại học Nông lâm – Đại học Thái Nguyên
57. Trường Đại học Y Dược – Đại học Thái Nguyên
58. Đại học Cần Thơ
59. Trường Đại học Nông Lâm – Đại học Huế
60. Trường Đại học Y Dược – Đại học Huế
61. Học viện Quân y
62. Học viện Hậu cần
63. Viện Khoa học và công nghệ quân sự
64. Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng - Đại học Y Hà Nội
65. Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
66. Trường Đại học Thăng Long
67. Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp
68. Sở Y tế tỉnh An Giang
69. Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh
70. Sở Y tế tỉnh Cà Mau
71. Sở Y tế tỉnh Cao Bằng
72. Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk
73. Sở Y tế tỉnh Điện Biên

74. Sở Y tế tỉnh Đồng Nai
75. Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp
76. Sở Y tế tỉnh Gia Lai
77. Sở Y tế tỉnh Hà Tĩnh
78. Sở Y tế tỉnh Hưng Yên
79. Sở Y tế tỉnh Khánh Hoà
80. Sở Y tế tỉnh Lai Châu
81. Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng
82. Sở Y tế tỉnh Lạng Sơn
83. Sở Y tế tỉnh Lào Cai
84. Sở Y tế tỉnh Nghệ An
85. Sở Y tế tỉnh Ninh Bình
86. Sở Y tế tỉnh Phú Thọ
87. Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi
88. Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh
89. Sở Y tế tỉnh Quảng Trị
90. Sở Y tế tỉnh Sơn La
91. Sở Y tế tỉnh Tây Ninh
92. Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên
93. Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa
94. Sở Y tế Thành phố Cần Thơ
95. Sở Y tế Thành phố Đà Nẵng
96. Sở Y tế Thành phố Hà Nội
97. Sở Y tế Thành phố Hải Phòng
98. Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh
99. Sở Y tế Thành phố Huế
100. Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang
101. Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long
102. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Quảng Ninh
103. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Hà Nội
104. Chi cục An toàn thực phẩm Bắc Ninh
105. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Thanh Hóa
106. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Hưng Yên
107. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Cao Bằng
108. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Lai Châu
109. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Sơn La
110. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Điện Biên
111. Chi cục An toàn thực phẩm Thành phố Đà Nẵng

112. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Ninh Bình
113. Chi cục An toàn thực phẩm Phú Thọ
114. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Hà Tĩnh
115. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Hải Phòng
116. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Khánh Hòa
117. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Quảng Trị
118. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Lâm Đồng
119. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Tây Ninh
120. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Cần Thơ
121. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Cà Mau
122. Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội
123. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang
124. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh
125. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cà Mau
126. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cao Bằng
127. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đắk Lắk
128. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên
129. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai
130. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Tháp
131. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Gia Lai
132. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh
133. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên
134. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa
135. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lai Châu
136. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng
137. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn
138. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai
139. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An
140. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Ninh Bình
141. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Phú Thọ
142. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi
143. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ninh
144. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị
145. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La
146. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh
147. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên
148. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa
149. Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Cần Thơ

150. Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Đà Nẵng
151. Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội
152. Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hải Phòng
153. Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh
154. Sở Nông nghiệp và Môi trường TP. Huế
155. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang
156. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long
157. Cục Chất lượng, chế biến và phát triển thị trường
158. Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
159. Cục Chăn nuôi và Thú y
160. Chi cục chăn nuôi, thú y và thủy sản Hà Nội
161. Trung tâm kiểm nghiệm kiểm chứng và dịch vụ chất lượng, Cục Chất lượng, chế biến và phát triển thị trường
162. Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công
163. Cục Công nghiệp
164. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang
165. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Ninh
166. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cà Mau
167. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng
168. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk
169. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Điện Biên
170. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai
171. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Tháp
172. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai
173. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Tĩnh
174. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên
175. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hoà
176. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lai Châu
177. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng
178. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lạng Sơn
179. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai
180. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nghệ An
181. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Ninh Bình
182. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Phú Thọ
183. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi
184. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ninh
185. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị
186. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sơn La

187. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tây Ninh
188. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên
189. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thanh Hóa
190. Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Cần Thơ
191. Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Đà Nẵng
192. Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội
193. Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hải Phòng
194. Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh
195. Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Huế
196. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tuyên Quang
197. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Long
198. Sở Công thương tỉnh An Giang
199. Sở Công thương tỉnh Bắc Ninh
200. Sở Công thương tỉnh Cà Mau
201. Sở Công thương tỉnh Cao Bằng
202. Sở Công thương tỉnh Đắk Lắk
203. Sở Công thương tỉnh Điện Biên
204. Sở Công thương tỉnh Đồng Nai
205. Sở Công thương tỉnh Đồng Tháp
206. Sở Công thương tỉnh Gia Lai
207. Sở Công thương tỉnh Hà Tĩnh
208. Sở Công thương tỉnh Hưng Yên
209. Sở Công thương tỉnh Khánh Hòa
210. Sở Công thương tỉnh Lai Châu
211. Sở Công thương tỉnh Lâm Đồng
212. Sở Công thương tỉnh Lạng Sơn
213. Sở Công thương tỉnh Lào Cai
214. Sở Công thương tỉnh Nghệ An
215. Sở Công thương tỉnh Ninh Bình
216. Sở Công thương tỉnh Phú Thọ
217. Sở Công thương tỉnh Quảng Ngãi
218. Sở Công thương tỉnh Quảng Ninh
219. Sở Công thương tỉnh Quảng Trị
220. Sở Công thương tỉnh Sơn La
221. Sở Công thương tỉnh Tây Ninh
222. Sở Công thương tỉnh Thái Nguyên
223. Sở Công thương tỉnh Thanh Hóa
224. Sở Công thương Thành phố Cần Thơ

225. Sở Công thương Thành phố Đà Nẵng
226. Sở Công thương Thành phố Hà Nội
227. Sở Công thương Thành phố Hải Phòng
228. Sở Công thương Thành phố Hồ Chí Minh
229. Sở Công thương Thành phố Huế
230. Sở Công thương tỉnh Tuyên Quang
231. Sở Công thương tỉnh Vĩnh Long
232. Bộ Tư lệnh cảnh vệ
233. Trung tâm Dịch vụ Phân tích thí nghiệm thành phố Hồ Chí Minh
234. Đại diện Công ty TNHH Intertek Việt Nam
235. Công ty TNHH TUV SUD Việt Nam
236. Đại diện Công ty TNHH Eurofins Sắc ký Hải Đăng
237. Công ty TNHH SGS Việt Nam
238. Công ty TNHH MTV Khoa học Công nghệ Hoàn Vũ